

Số: 3464 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Thanh toán tiền chủ nhiệm các lớp tiên tiến, dạy bằng tiếng nước ngoài,
chất lượng cao năm học 2025-2026**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 5906/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐHV ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thanh toán tiền chủ nhiệm các lớp tiên tiến, dạy bằng tiếng nước ngoài, chất lượng cao năm học 2025-2026 đối với các nhà giáo có tên trong danh sách đính kèm.

- | | |
|------------------------------------|------------------|
| 1. Tổng số tiền thanh toán: | 72.000.000 đồng. |
| 2. Số tiền chi thừa năm học trước: | 0 đồng. |
| 3. Số tiền chi đợt này: | 72.000.000 đồng. |

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các nhà giáo có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Thị Lan



BẢNG THANH TOÁN TIỀN
CHỦ NHIỆM CÁC LỚP TIỀN TIẾN, CHẤT LƯỢNG CAO NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số **3464** /QĐ-HVN ngày 20 tháng 7 năm 2026

của Giám đốc Học viện nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ tên	Đơn vị	Lớp	Số tiết (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
1	MKT17	Nguyễn Trọng Tuyền	Khoa Kế toán và QTKD	K67QTKDT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
2	MKT06	Trần Thị Thu Hương	Khoa Kế toán và QTKD	K70QTKDT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
3	KST08	Nguyễn Thị Nhiên	Khoa Công nghệ sinh học	K66CNSHE	25	80,000	2,000,000		2,000,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
4	STV12	Đinh Trường Sơn	Khoa Công nghệ sinh học	K67CNSHE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
5	SH004	Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Khoa Công nghệ sinh học	K68CNSHE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
6	STV01	Đặng Thị Thanh Tâm	Khoa Công nghệ sinh học	K69CNSHE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
7	SPT21	Phạm Thị Dung	Khoa Công nghệ sinh học	K70CNSHE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
8	RAQ07	Vũ Quỳnh Hoa	Khoa Nông học	K66KHCTT	25	80,000	2,000,000		2,000,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc
9	HTN02	Nguyễn Thị Ái Nghĩa	Khoa Nông học	K67KHCTT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
10	CTU15	Trần Thị Thu Phương	Khoa Nông học	K68KHCTT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
11	CTH08	Thiều Thị Phong Thu	Khoa Nông học	K69KHCTT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
12	HTN10	Nguyễn Thị Ngọc Dinh	Khoa Nông học	K70KHCTT	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
13	KNN12	Nguyễn Phượng Lê	Khoa Kinh tế và Quản lý	K69KTNNE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
14	KNN14	Lê Thị Thanh Loan	Khoa Kinh tế và Quản lý	K66KTNNE và K70KTNNE	75	80,000	6,000,000		6,000,000	Chủ nhiệm 2 lớp (1 lớp 1/2 kỳ)
15	KT015	Đồng Thanh Mai	Khoa Kinh tế và Quản lý	K66KTTCE	25	80,000	2,000,000		2,000,000	1/2 kỳ vì HK1 kết thúc



	Họ tên	Đơn vị	Lớp	Số tiết (tiết)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Trừ số chi thừa năm trước (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
16	KT009 Nguyễn Thị Thu Quỳnh	Khoa Kinh tế và Quản lý	K67KTTCE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
17	KT017 Bùi Thị Khánh Hòa	Khoa Kinh tế và Quản lý	K68KTTCE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
18	KT007 Trần Đức Trí	Khoa Kinh tế và Quản lý	K69KTTCE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
19	KT014 Trần Thị Minh Hòa	Khoa Kinh tế và Quản lý	K70KTTCE	50	80,000	4,000,000		4,000,000	
	Tổng cộng			900		72,000,000		72,000,000	

Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu đồng chẵn